

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 159/2018/DS-ST

Ngày: 06 – 11 – 2018

V/v “tranh chấp nợ hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Sơn
2. Ông Nguyễn Thanh Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sang – kiểm sát viên .

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018, về “tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 565/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Mỹ H, sinh năm: 1945 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã LVL, thành phố C, tỉnh M.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm: 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã LVL, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, bà Thái Mỹ H trình bày: Ngày 09/11/2016 âm lịch, ông K có mở 01 dây hui 2.000.000 đồng, gồm 26 chân, mỗi tháng khui 01 kỳ vào ngày 09 âm hàng tháng. Bà tham gia chơi 01 chân, đã khui được 17 kỳ và bà chưa hốt hui, đến ngày ông K tuyên bố đình hui ông còn nợ lại bà số tiền 34.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2017 âm lịch, ông K có mở 01 dây hui 500.000 đồng gồm 53 chung mỗi tháng khui 03 lần vào các ngày 06, 16, 26 âm hàng tháng, bà tham gia chơi 02 chân hui và đã hốt 01 chân hui, dây hui khui được 42 kỳ, số tiền thực đóng và tiền lãi hui ông K còn nợ lại bà là 21.000.000 đồng, bà còn nợ lại ông K 03 kỳ hui chết là 3.000.000 đồng đến ngày ông K tuyên bố đình hui sau khi đối trừ ông K còn nợ lại bà số tiền 18.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2017 âm lịch, ông K mở 01 dây hui, gồm 31 chung, loại hui 1.000.000đ, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng. Bà tham gia

chơi 02 chân và chưa hốt, đến ngày ông K đình hui dây hui khui được 13 kỳ và còn nợ lại bà số tiền 26.000.000 đồng.

Ngày 22/8/2017 âm lịch, ông K mở 01 dây hui gồm 15 chung, loại hui 5.000.000đ, mỗi tháng khui 01 kỳ vào ngày 22 âm lịch hàng tháng. Bà tham gia chơi 01 chân và chưa hốt, đến ngày ông K tuyên bố đình hui dây hui khui được hai kỳ số tiền ông K còn nợ lại bà là 10.000.000 đồng.

Đến ngày 11/3/2018 bà và ông K có gặp nhau và chốt nợ hui lại, ông K có làm biên nhận nợ và hứa sẽ thanh toán cho bà tất cả các khoản nợ tổng cộng là 88.000.000 đồng nhưng bà có nhiều lần đến gặp ông K để yêu cầu trả mà ông K vẫn không trả.

Từ nội dung trên, bà yêu cầu ông K phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà tổng các khoản 88.000.000đ tiền hui.

Đối với ông Nguyễn Trọng K, mặc dù đã được Tòa án niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng ông K vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc ông K trả cho bà H số tiền 88.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các bên đương sự bắt đầu phát sinh giao dịch từ ngày 09/11/2016 đến ngày 11/3/2018 các bên kết nợ lại, nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. Về thẩm quyền và loại việc các bên tranh chấp là giao dịch hui nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có mặt; đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng K, mặc dù đã được Tòa án niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng ông K vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên và bị đơn đặt ra được xác định là giao dịch về hui. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai có tham gia các dây hui do bị đơn làm chủ, ngoài ra qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà H có tham gia các dây hui do bị đơn làm chủ. Trong quá trình giao dịch ông K tuyên bố đình hui và còn nợ lại bà tổng số tiền là 88.000.000 đồng, mặc khác qua các biên bản xác minh đối với những người tham gia hui do ông K làm chủ chứng minh được việc giao dịch hui giữa các bên là thực tế có xảy ra. Tại biên nhận ngày 03 tháng 3 năm 2018 ông K và bà H cũng đã cùng nhau tổng kết nợ ông K thừa nhận còn nợ và sẽ

thanh toán cho bà H số tiền 88.000.000 đồng. Sự thừa nhận và thống nhất này của đôi bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như vậy, tổng các khoản nợ hui buộc ông K có nghĩa vụ thanh toán cho bà H là 88.000.000đ.

Ông K có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà H nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Mỹ H buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng K có nghĩa vụ thanh toán cho bà H tổng số tiền 88.000.000đ (*Tám mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông K phải chịu 4.400.000đ (chưa nộp). Bà H không phải chịu, ngày 05 tháng 7 năm 2018, bà H đã nộp tạm ứng án phí 2.200.000đ theo biên lai số 1013 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân